

Số: 684/2020/QĐST-HNGĐ

Tân Bình, ngày 20 tháng 8 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Áp dụng Điều 357 của Bộ Luật Dân sự năm 2015.

Áp dụng Luật Phí và Lệ phí.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 633/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2020 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Ông Trần Ngọc B, năm sinh 1984; địa chỉ: xóm 2, thôn X, xã H, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Bà Phan Thị Cẩm N, năm sinh 1985; địa chỉ: Số 1588B1, Phường M, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Người yêu cầu giải quyết việc dân sự ông Trần Ngọc B và bà Phan Thị Cẩm N có đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn. Đây là yêu cầu về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, bà N hiện cư trú tại quận Tân Bình. Theo quy định tại khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35 và điểm h khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì yêu cầu giải quyết việc dân sự của ông B và bà N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình.

[2] Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 64, quyền số 01/2013 do Ủy ban nhân dân Phường M, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28 tháng 3 năm 2013 thì ông B và bà N là vợ chồng hợp pháp. Ngày 20 tháng 7 năm 2020, ông B và bà N có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết yêu cầu thuận tình ly hôn. Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 12 tháng 8 năm 2020, ông B và bà N cùng thỏa thuận:

- Về quan hệ hôn nhân: Thuận tình ly hôn.

- Về nuôi con chung: Giao con chung tên Trần Ngọc N1, ngày sinh 06 tháng 5 năm 2013 cho bà Phan Thị Cẩm N trực tiếp nuôi dưỡng, ông Trần Ngọc B cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 (Hai triệu) đồng. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi con thành niên. Việc giao nhận tiền cấp dưỡng nuôi con do các bên tự thực hiện.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

[3] Căn cứ Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và Gia đình thì việc thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung của ông B và bà N là tự nguyện, phù hợp theo quy định pháp luật nên được Tòa án công nhận.

[4] Về lệ phí: Ông Trần Ngọc B và bà Phạm Thị Cẩm N cùng chịu 300.000 đồng.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Trần Ngọc B và bà Phan Thị Cẩm N.

- Về nuôi con chung: Giao con chung tên Trần Ngọc N1, ngày sinh 06 tháng 5 năm 2013 cho bà Phan Thị Cẩm N trực tiếp nuôi dưỡng, ông Trần Ngọc B cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 (Hai triệu) đồng. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi con thành niên. Việc giao nhận tiền cấp dưỡng nuôi con do các bên tự thực hiện.

Ông Trần Ngọc B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Trường hợp ông Trần Ngọc B chậm trả tiền cấp dưỡng thì ông B phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015; nếu

không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí ly hôn: Ông Trần Ngọc B và bà Phan Thị Cẩm N cùng chịu lệ phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng và được căn trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng mà ông B và bà N đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2019/0068035 ngày 27 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Ủy ban nhân dân Phường M, quận V;
(Theo giấy chứng nhận kết hôn số 64, quyển số 01/2013, ngày 28/3/2013);
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Võ Tuấn Nhu